TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/KDTM-PT
Ngày: 21-6-2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Đăng**

Các Thẩm phán: Ông **Lâm Triệu Hữu**

Ông **Phạm Trường Thọ**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Phước Thành** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông **Nguyễn Phúc Vinh -** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số: 05/2021/KDTM-PT ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán"*.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2021/KDTM-ST ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân TPVL, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2021/QĐ-PT ngày 24 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty A.

Địa chỉ trụ sở: Số 80A1, đường TP, Phường 4, TPVL, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng M- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện ủy quyền: Ông Trần Hoàng T; địa chỉ: Số nhà 31A, đường PTB, Phường 4, TPVL, tỉnh Vĩnh Long (Văn bản ủy ngày 22/4/2021).

- Bị đơn: **Công ty B**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thành Tân – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện ủy quyền:

1. Ông Trần Quang Huy Cường, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số nhà 33/23Y, đường PTB, phường 4, TPVL, tỉnh Vĩnh Long (Văn bản ủy ngày 05/5/2021).

2. Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1965 – Chức vụ: Trợ lý giám đốc Công ty TNHH B; nơi cư trú: Ấp LĐ, xã PL, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long (Văn bản ủy quyền ngày 17/5/2021).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện ngày 14 tháng 9 năm 2020 và Đơn khởi kiện bổ sung ngày 15 tháng 11 năm 2020 cùng các lần hòa giải tiếp theo nguyên đơn trình bày: Ngày 19/10/2018 Công ty A cùng Công ty B có ký Hợp đồng chuyển nhượng tài sản trên đến gồm nhà xưởng, nhà xe tiền chế, hàng rào, bờ kè và toàn bộ tài sản trên thửa đất số 44, tờ bản đồ 11, diện tích 519,7m^2, tọa lạc tại đường 30/4, Phường 1, TPVL, tỉnh Vĩnh Long (đất thuê của Nhà nước), giá chuyển nhượng tài sản trên đất 800.000.000 đồng.

Để thực hiện việc chuyển nhượng tài sản nêu trên, ông Nguyễn Trọng B – Chủ tịch Hội đồng quản trị có ký Văn bản ủy quyền ngày 19/10/2018, ủy quyền cho ông Nguyễn Công L – Chức vụ: Giám đốc thay mặt Công ty ký Hợp đồng chuyển nhượng tài sản nêu trên. Sau khi ký xong hợp đồng chuyển nhượng tài sản với **Công ty B**, ông L tiếp tục lập Tờ trình gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long đề nghị xem xét cho **Công ty B** thuê lại khu đất nêu trên.

Tuy nhiên, khi thực hiện việc chuyển nhượng tài sản xong thì nội bộ Công ty có ý kiến không đồng ý, với lý do tài sản chuyển nhượng là tài sản của đại cổ đông Công ty, việc chuyển nhượng không đúng quy trình, không có họp đại cổ đông hoặc Hội đồng quản trị, cá nhân giám đốc ký Hợp đồng không có sự đồng ý của đại cổ đông là sai sót, gây thiệt hại đến các đại cổ đông.

Mặt khác, ông Nguyễn Công L là giám đốc được ủy quyền ký Hợp đồng chuyển nhượng tài sản trên đất, nhưng ông L lại ký Văn bản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long đề nghị xem xét cho **Công ty B** thuê lại khu đất nêu trên là vượt quá phạm vi được ủy quyền. Đồng thời, tại Điều 162 của Luật Doanh nghiệp có quy định:

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.

a. Cổ đồng, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

b. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;

c. Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật này.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỉ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời gian khác; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại Hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch dân sự ngoài các quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lý ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho công ty; người ký hợp đồng, cổ dông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Từ những lý do nêu trên, Công ty A kiện yêu cầu "Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng tài sản ký ngày 19/10/2018" giữa Công ty A và **Công ty B**; Công ty A sẽ hoàn trả cho **Công ty B** số tiền 800.000.000 đồng và bồi hoàn thiệt hại cho **Công ty B** theo quy định của pháp luật, sau đó Công ty A sẽ xử lý nội bộ sau; đồng thời, buộc **Công ty B** trả lại cho Công ty A giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Công ty A được thuê của Nhà nước (UBND tỉnh Vĩnh Long), vì chuyển nhượng tài sản trên đất không liên quan đến quyền sử dụng đất, nhưng **Công ty B** đề nghị được thuê đất là đúng với nội dung chuyển nhượng tài sản mà hai bên đã ký.

Tại phiên hòa giải ngày 24/12/2020 và ngày 05/02/2021 đại diện bị đơn có trình bày: Ngày 19/10/2018 **Công ty B** và Công ty A có ký Hợp đồng số 87/HĐ.2018, tại thời điểm giao kết hợp đồng xét về tính chất pháp lý, hai chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là đủ tư cách đại diện cho pháp nhân của mình và tự chịu trách nhiệm trước nhà nước. Giám đốc Công ty A tại thời điểm đó xét thấy không có nhu cầu thuê đất nên có văn bản đề nghị trả lại đất và đề xuất cho **Công ty B** thuê lại đất, vì **Công ty B** là chủ thể nhận chuyển nhượng tài sản trên đất của Công ty A. Khi nhận chuyển nhượng, **Công ty B** chỉ được nhận thông qua các biên bản họp của Công ty A, phía Công ty A không đề cập đến Điều lệ của công ty, **Công ty B** cũng không được Công ty A thông báo về đều này trước khi ký kết hợp đồng chuyển nhượng tài sản trên đất, khi nhận chuyển nhượng xong hai bên ký bàn giao có các bộ phận của Công ty A tham dự, **Công ty B** đã thực hiện xong nghĩa vụ và đã thực hiện đầy đủ thủ tục pháp lý đối với nhà nước để được thuê lại thửa đất nêu trên. Do đó, **Công ty B** không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Công ty A và đề nghị công nhận "Hợp đồng chuyển nhượng tài sản ký ngày 19/10/2018 giữa Công ty A và **Công ty B**".

Về định giá tài sản hai bên đồng ý, không có khiếu nại về giá. Tuy nhiên, **Công ty B** cho rằng, **Công ty B** đã đầu tư sửa chữa số tiền 150.000.000 đồng, nên đề nghị chấp nhận giá trị đã đầu tư sửa chữa làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2021/KDTM-ST ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân TPVL, tỉnh Vĩnh Long đã xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 160 và khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 123; khoản 1 Điều 123; Điều 131; Điều 430 và khoản 3 Điều 444 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 và điểm b khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của Công ty A; Vô hiệu "*Hợp đồng chuyển nhượng*" số: 87/HĐ-2018, ngày 19/10/2018 giữa Công ty A và **Công ty B**.

- Công ty A có trách nhiệm hoàn trả cho **Công ty B** số tiền 800.000.000 đồng (*Tám trăm triệu đồng*).

- Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty A, về việc trả lại cho **Công ty B** số tiền chi phí sửa chữa 150.000.000 đồng (*Một trăm năm chục triệu đồng*) và tiền bồi thường thiệt hại 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*).

- Buộc **Công ty B** trả lại cho Công ty A số tài sản trên đất gồm: Căn nhà có diện tích 146,41m^2; khung bê tông cốt thép, có trần ván ép, nền láng gạch bông, tường sơn, ốp gạch chân tường; trần bị hư mục nhiều nơi, nền bị nước ngập, chân tường bông tróc một số nơi; sân láng xi măng; Cổng rào phía trước khung cột gạch sắt hộp; 01 máy lạnh hiệu National ;01 máy lạnh hiệu Toshiba; 01 quạt trần cánh sắt (theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản ngày 27/01/2021); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 443197 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 14/9/2016, thuộc thửa số 44, tờ bản đồ 11, tọa lạc tại đường 30/4, Phường 1, TPVL, tỉnh Vĩnh Long; 01 Hợp đồng thuê đất số 15/HĐ.TĐ ngày 05/10/2004 và 01 Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 78/PLHĐ ngày 11/10/2006 (Theo biên bản bàn giao ngày 19/10/2018 giữa Công ty A và **Công ty B**).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, bị đơn Công ty B là bị đơn có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm sửa nội dung bản án số 04/2021/KDTM-ST ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A, công nhận hợp đồng số 87/HĐ-2018 ngày 19/10/2018 giữa Công ty A và Công ty B có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo đồng ý vô hiệu hợp đồng mua bán và yêu cầu nguyên đơn bồi thường thiệt hại thêm số tiền 250.000.000 đồng, phần này ngoài án sơ thẩm đã xử.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý bồi thường thiệt hại ngoài án sơ thẩm đã xử với số tiền 250.000.000 đồng. Tổng cộng các khoản nguyên đơn trả cho bị đơn là tiền mua bán 800.000.000 đồng, chi phí sửa chữa 150.000.000 đồng, bồi thường thiệt hại (400.000.000 đồng + 250.000.000 đồng)

tổng cộng 1.600.000.000 đồng.

Về án phí đối với số tiền hỗ trợ bồi thường thêm 250.000.000 đồng nguyên đơn và bị đơn đồng ý mỗi bên chịu phân nữa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: Phân tích nội dung, chứng cứ và đề nghị chấp nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn, nguyên đơn trả cho bị đơn tổng các khoản là 1.600.000.000 đồng, mỗi bên chịu phân nữa án phí trên số tiền 250.000.000 đồng, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty B còn trong hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn trình bày vào ngày 19/10/2018 Công ty A cùng **Công ty B** có ký Hợp đồng chuyển nhượng tài sản trên đến gồm nhà xưởng, nhà xe tiền chế, hàng rào, bờ kè và toàn bộ tài sản trên thửa đất số 44, tờ bản đồ 11, diện tích 519,7m^2, tọa lạc tại đường 30/4, Phường 1, TPVL, tỉnh Vĩnh Long (phần đất do nguyên đơn thuê của Nhà nước). Thực hiện hợp đồng chuyển nhượng tài sản ông Nguyễn Trọng B (Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty) đã ký giấy ủy quyền cho ông Nguyễn Công L (Giám đốc công ty) thay mặt ký hợp đồng chuyển nhượng với **Công ty B** đã thực hiện xong, sau khi thực hiện hợp đồng chuyển nhượng thì phát sinh mâu thuẫn trong Công ty A, do đây là tài sản chung của các cổ đông nhưng không được lấy ý kiến thành viên hội đồng quản trị và ý kiến của các cổ đông, việc chuyển nhượng là có sai xót chưa đúng với quy định của pháp luật nên Công ty A yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng ngày 19/10/2018, bị đơn cho rằng nguyên đơn có ký hợp đồng số 87/HĐ-2018 ngày 19/10/2018 hai bên chủ thể tham gia ký kết hợp đồng đủ tư cách đại diện cho pháp nhận và tự chịu trách nhiệm trước nhà nước, tại thời điểm ký hợp đồng chuyển nhượng nguyên đơn không có nhu cầu thuê đất và có văn bản đề nghị trả lại đất và đề nghị cho bị đơn thuê lại đất, khi nhận chuyển nhượng xong hai bên đã bàn giao và bị đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ, thực hiện đầy đủ thủ tục pháp lý đối với nhà nước nên bị đơn không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Xét hợp đồng chuyển nhượng tài sản giữa Công ty A và **Công ty B**,

hợp đồng số 87/HĐ-2018 ngày 19/10/2018 thì toàn bộ tài sản trên đất thửa số 44 Công ty A chuyển nhượng cho **Công ty B** trị giá thành tiền là 800.000.000 đồng, hai bên đã bàn giao xong, việc chuyển nhượng trên là chưa phù hợp các quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận hai bên đồng ý vô hiệu hợp đồng mua bán số 87/HĐ-2018 ngày 19/10/2018 giữa Công ty A và **Công ty B**, Công ty A trả cho **Công ty B** tiền mua bán 800.000.000 đồng, tiền sửa chửa 150.000.000 đồng, tiền bồi thường thiệt hại cấp sơ thẩm 400.000.000 đồng, cấp phúc thẩm 250.000.000 đồng. Tổng cộng các khoản là 1.600.000.000 đồng.

Về án phí nguyên đơn và bị đơn đồng ý mỗi bên chịu phân nữa trên số tiền 250.000.000 đồng x 5%/2 = 6.250.000 đồng.

Việc thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nguyên đơn nộp 52.500.000 đồng + 6.250.000 đồng = 58.750.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí Công ty A đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0005878 ngày 23/11/2020 tại Chi cục Thi hành án TPVL sẽ được khấu trừ vào án phí nguyên đơn nộp. Số tiền án phí còn lại nguyên đơn phải nộp 58.450.000 đồng.

Công ty B nộp 6.250.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.000.000 đồng theo lai thu số 0000113 ngày 24/3/2021 tại Chi cục Thi hành án TPVL. Số tiền án phí còn lại bị đơn phải nộp 4.250.000 đồng.

[4] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải nộp án phí phúc thẩm.

Như nhận định trên, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn, chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên, sửa án sơ thẩm.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 160 và khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 123; khoản 1 Điều 123; Điều 131, Điều 300; Điều 430 và khoản 3 Điều 444 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 và điểm b khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về nội dung: Vô hiệu "*Hợp đồng chuyển nhượng*" số: 87/HĐ-2018, ngày 19/10/2018 giữa Công ty A và **Công ty B**.

2. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa Công ty cổ phần tư vân xây dựng Vĩnh Long với **Công ty B** như sau:

- Công ty A có trách nhiệm trả cho **Công ty B** số tiền mua bán 800.000.000 đồng, chi phí sửa chữa 150.000.000 đồng, tiền bồi thường thiệt hại 400.000.000 đồng + 250. 000.000 đồng. Tổng cộng các khoản là 1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng).

- **Công ty B** có trách nhiệm trả lại cho Công ty A số tài sản trên đất gồm: Căn nhà có diện tích 146,41m^2; khung bê tông cốt thép, có trần ván ép, nền láng gạch bông, tường sơn, ốp gạch chân tường; trần bị hư mục nhiều nơi, nền bị nước ngập, chân tường bông tróc một số nơi; sân láng xi măng; Cổng rào phía trước khung cột gạch sắt hộp; 01 máy lạnh hiệu National ;01 máy lạnh hiệu Toshiba; 01 quạt trần cánh sắt (theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản ngày 27/01/2021); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 443197 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 14/9/2016, thuộc thửa số 44, tờ bản đồ 11, tọa lạc tại đường 30/4, Phường 1, TPVL, tỉnh Vĩnh Long; 01 Hợp đồng thuê đất số 15/HĐ.TĐ ngày 05/10/2004 và 01 Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 78/PLHĐ ngày 11/10/2006 (Theo biên bản bàn giao ngày 19/10/2018 giữa Công ty A và **Công ty B**).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty A phải nộp tiếp số tiền 58. 450.000 đồng (năm mươi tám triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng

Công ty B phải nộp tiếp số tiền 4.250.000 đồng (bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

4. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Các đương sự không phải nộp án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- Chánh án: 01;
- TAND TPVL: 01;
- THADS TPVL: 01;
- Các đương sự;
- Lưu: 06;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Đăng